

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2026/DS-ST
Ngày 03-7-2026
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thoa

Ông Vũ Văn Thi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Minh Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng:* Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026 về Tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2026/QĐST-DS ngày 16/6/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị T**, sinh ngày 23/11/1989; nơi cư trú: **Tổ dân phố G, phường A, thành phố Hải Phòng**; số Căn cước công dân 031189020029; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Vũ Thị H**, sinh ngày 02/9/1983; nơi ĐKTT: **Tổ dân phố G, phường A, thành phố Hải Phòng**; số Căn cước công dân 031183003145; vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN: oà, **V, Hải Phòng** NÔIUIJ

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà **Phạm Thị T** trình bày: Bà và bà **Vũ Thị H** có quen biết nên bà đã tự nguyện cho bà **H** vay tiền để đầu tư, kinh doanh, mua bán nhà đất, bất động sản. Số tiền bà cho bà **H** vay là 320.000.000 đồng, lần 1 là ngày 08/7/2025 bà **H** đã vay của bà

T số tiền 20.000.000 đồng, lần 2 là ngày 11/7/2025, bà H đã vay của bà T số tiền 300.000.000 đồng, cả 02 lần bà T chuyển tiền từ tài khoản của bà vào tài khoản của bà H với thời hạn vay là 01 tuần. Số tiền này là tài sản riêng của bà, không liên quan đến ai khác. Hết thời hạn trả nợ, bà H không thanh toán trả bà, bà đã nhiều lần đòi tiền bà H, đến ngày 17/8/2025 bà H chuyển khoản trả bà một phần tiền nợ, số tiền bà H chuyển trả bà là 100.000.000 đồng. Đến ngày 28/11/2025, tại nhà ông Lê Văn V, sinh năm 1983, địa chỉ tại Tổ dân phố G, phường A, thành phố Hải Phòng, sau khi bà H viết hợp đồng vay số tiền 220.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi và cam kết trả nợ vào ngày 19/12/2025, bà H có trả bà T tiền mặt là 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến hết hạn trả nợ vào ngày 19/12/2025, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận. Mặc dù đã nhiều lần bà yêu cầu bà H thanh toán trả nợ nhưng bà H không thực hiện, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị H phải thanh toán trả số tiền vay là 217.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày 20/12/2025, đề nghị buộc bà H phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí khác phát sinh theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn bà Vũ Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà Vũ Thị H vẫn vắng mặt các buổi triệu tập, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh thông tin cư trú đối với bị đơn bà Vũ Thị H. Tại Công văn số 444/CV-CAPAD ngày 10/3/2025, Công an phường A cung cấp: Bà Vũ Thị H, sinh ngày 02/9/1983, số Căn cước công dân 031183003145, cấp ngày 25/10/2022 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng, hiện nay bà H không sinh sống tại địa chỉ trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không tham gia đầy đủ phiên

hợp, phiên hòa giải, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 280, 357, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị T**, buộc bà **Vũ Thị H** phải có trách nhiệm thanh toán trả bà **Phạm Thị T** số tiền vay là 217.000.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu đồng), và tiền lãi theo quy định pháp luật là 10%/năm từ ngày 20/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Bà **Vũ Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án: Bà **Phạm Thị T** khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tiền đối với bà **Vũ Thị H**, nơi cư trú: **Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng**. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà **Phạm Thị T** và bị đơn bà **Vũ Thị H**.

- Về nội dung vụ án:

[3] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định: Bà **Phạm Thị T** và bà **Vũ Thị H** có quen biết nhau nên bà **T** đã tự nguyện cho bà **H** vay tiền khi bà **H** hỏi vay. Số tiền bà **T** cho bà **H** vay là 320.000.000 đồng, bà **H** đã trả bà **T** 103.000.000 đồng. Bà **T** đã nhiều lần yêu cầu bà **H** trả tiền nhưng không được. Nay bà **T** khởi kiện yêu cầu bà **H** phải thanh toán số tiền vay là

217.000.000 đồng, bà yêu cầu buộc bà H thanh toán toàn bộ lãi suất theo quy định pháp luật. Xét thấy, trong mối quan hệ vay tài sản bà H là người có lỗi vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của người vay tiền là thanh toán tiền vay khi đến hạn. Việc vi phạm này đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm thì bà H không đến tòa tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không cung cấp được lời khai. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà H có nghĩa vụ trả nợ cho bà T số tiền gốc 217.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[3.1] Về yêu cầu lãi suất: Do bà Vũ Thị H vi phạm nghĩa vụ nên bà Phạm Thị T yêu cầu bà H phải trả lãi suất là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu bà H1 chịu lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 20/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy khi xác lập hợp đồng vay tiền hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Do đó căn cứ khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất được xác định bằng 10%/năm và thời gian tính lãi được tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 20/12/2025 đến ngày xét xử 03/7/2026 và số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Số tiền gốc tính lãi là 217.000.000 đồng.

- Thời gian tính lãi từ ngày 20/12/2025 đến ngày 03/7/2026 là 06 tháng 13 ngày:

- + Gốc 217.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng x 13 ngày = 11.629.898 đồng.

- + Gốc 217.000.000 đồng + lãi 11.629.898 đồng = 228.629.898 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là 228.629.898 (Hai trăm hai mươi tám triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn tám trăm chín mươi tám) đồng. Buộc bà Vũ Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị T tổng số tiền 228.629.898 (Hai trăm hai mươi tám triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn tám trăm chín mươi tám) đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 6, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn bà Phạm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn bà Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị T.**

Buộc bà **Vũ Thị H** có nghĩa vụ trả cho bà **Phạm Thị T** tổng số tiền là 228.629.898 (Hai trăm hai mươi tám triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn tám trăm chín mươi tám) đồng; trong đó tiền vay gốc là 217.000.000 đồng, tiền lãi là 11.629.898 đồng theo Hợp đồng vay tiền và cam kết trả nợ ngày 28/11/2025.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà **Vũ Thị H** phải chịu 11.431.495 (Mười một triệu bốn trăm ba mươi một nghìn bốn trăm chín mươi lăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà **Phạm Thị T** 5.425.000 (Năm triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002068 ngày 25/02/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn **Phạm Thị T** và bị đơn **Vũ Thị H** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THA dân sự thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Vinh